TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1995; HKTT: Ấp Đ, xã X, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1992; HKTT: Ấp Y, xã X, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn (bà A) trình bày*:**

Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2012. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87, quyển số 01/2014 ngày 01/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 đến nay, bà A và ông B không còn chung sống với nhau. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa bà A và ông B có 02 con chung tên C, sinh ngày 09/3/2013 và E, sinh ngày 22/01/2018. Từ cuối năm 2018, khi bà A không còn chung sống với ông B, bà A trực tiếp nuôi cháu E, ông B nuôi cháu C. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là E và đồng ý giao con chung tên C ông B nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông B):

Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mắt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chúng là cháu E cho bà A nuôi dưỡng, giao con chung là cháu C cho ông B nuôi dưỡng.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2019; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn; bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87, quyển số 01/2014 ngày 01/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp; bản tự khai của nguyên đơn; bản sao giấy khai sinh của C, sinh ngày 09/3/2013; trích lục khai sinh E, sinh ngày 22/01/2018; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bà A có mặt, ông B được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của ông B là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà A khởi kiện ông B về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên E, sinh ngày 22/01/2018 và giao con chung tên C, sinh ngày 09/3/2013 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, bà A yêu cầu không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Ông B có nơi cư trú tại ấp An Thới, xã Định An, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2012. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87, quyển số 01/2014 ngày 01/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Giữa bà A và ông B không có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người sống một nơi, nhưng từ tháng 11/2018 đến nay đã không còn chung sống với nhau. Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông B và bà A có cơ hội hòa giải, hàn gắn với nhau, thế nhưng ông B vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy ông B không mong muốn hòa giải với bà A để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với mẹ ruột ông B thể hiện từ cuối năm 2018, giữa ông B và bà A thường cãi nhau, bà A đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, gia đình hai bên đã cố gắn hàn gắn để bà A và ông B quay về chung sống với nhau nhưng không hàn gắn được. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa bà A và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên E và đồng ý để ông B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, bà A yêu cầu không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên ông B cố tình vắng mặt cũng không

cung cấp ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặc khác, con chung E chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con, nên việc giao con chung E cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với con chung là cháu C hiện đang sống với cha là ông B, bà A đồng ý để ông B trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà A, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà A đối với ông B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87, quyển số 01/2014 ngày 01/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên E, sinh ngày 22/01/2018. Ông B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 09/3/2013. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031607 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của A cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/8/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan